

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 25-26

Môn học
CBGD

Cầu lông
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 08

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	1	2125300074	Huỳnh Tuấn	Anh	13/04/2007	CCQ2530C	0.0	0.0	0,00	
234008	2	2125300116	Nguyễn Hồng Ngọc	Anh	08/01/2007	CCQ2530D	6.5	5.0	5,60	
234008	3	2125300259	Phạm Thế	Anh	01/04/2007	CCQ2530C	5.4	0.0	2,20	
234008	4	2125300082	Phạm Thị Quỳnh	Anh	03/01/2007	CCQ2530C	8.1	3.0	5,00	
234008	5	2125300113	Đào Kim	Ánh	02/06/2002	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	6	2125300191	Trần Huỳnh Gia	Bân	08/05/2007	CCQ2530C	7.5	4.0	5,40	
234008	7	2125300089	Võ Hoàng	Bảo	21/01/2007	CCQ2530C	8.4	10.0	9,40	
234008	8	2125300087	Lê Thị Công	Bích	01/02/2007	CCQ2530C	6.5	7.0	6,80	
234008	9	2125300080	Đặng Nguyễn Đức	Cảnh	11/03/2007	CCQ2530C	7.8	4.0	5,50	
234008	10	2125300096	Lê Thị Kim	Châu	09/08/2007	CCQ2530C	7.6	4.0	5,40	
234008	11	2125300136	Trương Hải	Đăng	17/08/2006	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	12	2125300126	Đặng Công	Danh	27/12/2007	CCQ2530D	8.5	8.0	8,20	
234008	13	2125300105	Triệu Phú	Đạt	26/06/2007	CCQ2530C	9.5	10.0	9,80	
234008	14	2125300137	Lê Thị Kiều	Diễm	28/02/2007	CCQ2530D	8.1	3.0	5,00	
234008	15	2125300086	Hồ Nguyễn Nhật	Duy	04/01/2007	CCQ2530C	7.8	6.0	6,70	

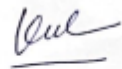
Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	16	2125300071	Nguyễn Khánh	Duy	02/07/2007	CCQ2530C	9.5	9.0	9,20	
234008	17	2125300084	Lê Thị	Hạnh	21/08/2006	CCQ2530C	8.5	10.0	9,40	
234008	18	2125300099	Trần Nhật	Hào	10/05/2007	CCQ2530C	7.8	6.0	6,70	
234008	19	2125300078	Nguyễn Phúc	Hậu	02/03/2007	CCQ2530C	7.5	9.0	8,40	
234008	20	2125300143	Trần Văn	Hậu	07/08/2007	CCQ2530D	7.4	6.0	6,60	
234008	21	2125300094	Lại Thị Thanh	Hiền	25/02/2005	CCQ2530C	6.9	4.0	5,20	
234008	22	2125300083	Nông Ngọc	Hiệp	23/11/2007	CCQ2530C	5.3	5.0	5,10	
234008	23	2125300097	Đặng Trần Quốc	Hiệu	20/12/2007	CCQ2530C	5.5	5.0	5,20	
234008	24	2125300095	Dương Thị Thu	Hoài	30/08/2006	CCQ2530C	7.6	4.0	5,40	
234008	25	2125300110	Nguyễn Trương Huy	Hoàng	23/11/2006	CCQ2530C	0.0	0.0	0,00	
234008	26	2125300088	Phùng Chí	Hoàng	11/03/2007	CCQ2530C	7.9	5.0	6,20	
234008	27	2125300090	Huỳnh Nhiên	Hồng	03/11/2007	CCQ2530C	7.0	5.0	5,80	
234008	28	2125190089	Nguyễn Phạm Huỳnh	Hương	20/09/2006	CCQ2519A	4.9	0.0	2,00	
234008	29	2125300189	Nguyễn Ngọc	Huy	20/02/2003	CCQ2530C	7.3	4.0	5,30	
234008	30	2125300022	Nguyễn Hoàng	Khang	30/12/2007	CCQ2530C	9.3	6.0	7,30	
234008	31	2125300106	Nguyễn Văn	Kiểm	29/04/2007	CCQ2530C	6.5	7.0	6,80	
234008	32	2125300120	Nguyễn Tuấn	Kiệt	19/07/2004	CCQ2530D	5.6	5.0	5,20	
234008	33	2125300132	Phạm Văn	Lợi	03/08/2007	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	34	2125300131	Hồ Thị Trà	Mi	30/12/2007	CCQ2530D	8.4	5.0	6,40	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	35	2125300093	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	25/08/2007	CCQ2530C	7.8	5.0	6,10	
234008	36	2125300138	Phạm Thuý	Nga	15/01/2007	CCQ2530D	7.4	6.0	6,60	
234008	37	2125300122	Huỳnh Thị Bảo	Ngân	23/10/2006	CCQ2530D	6.5	4.0	5,00	
234008	38	2125300077	Huỳnh Thị Kim	Ngân	01/12/2007	CCQ2530C	7.8	5.0	6,10	
234008	39	2125300119	Nguyễn Hồ Trúc	Ngân	13/11/2007	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	40	2125300107	Nguyễn Đặng Khánh	Ngọc	15/03/2007	CCQ2530C	0.0	0.0	0,00	
234008	41	2125300079	Cái Đặng Trường	Nguyên	27/10/2007	CCQ2530C	5.6	6.0	5,80	
234008	42	2125300100	Trần Nguyễn Trung	Nguyên	10/02/2002	CCQ2530C	2.0	0.0	0,80	
234008	43	2125300133	Đặng Minh	Nhật	02/08/2007	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	44	2125300151	Lê Thị Yến	Nhi	07/06/2007	CCQ2530D	7.9	4.0	5,60	
234008	45	2125300129	Nguyễn Yến	Nhi	29/01/2007	CCQ2530D	7.9	7.0	7,40	
234008	46	2125300111	Lương Tố	Như	31/08/2007	CCQ2530D	7.8	4.0	5,50	
234008	47	2125300109	Cao Trường	Phát	22/06/2007	CCQ2530C	6.1	5.0	5,40	
234008	48	2125190090	Nguyễn Duy	Phát	01/02/2003	CCQ2519A	5.6	5.0	5,20	
234008	49	2125300108	Võ Tấn	Phát	26/02/2007	CCQ2530C	10.0	6.0	7,60	
234008	50	2125300125	Lăng Hiếu	Phong	08/03/2007	CCQ2530D	7.5	4.0	5,40	
234008	51	2125300130	Nguyễn Quốc	Phông	11/11/2005	CCQ2530D	7.9	5.0	6,20	
234008	52	2125300101	Lê Triệu	Phúc	19/08/2007	CCQ2530C	5.8	5.0	5,30	
234008	53	2125300115	Đinh Thành	Phương	09/02/2007	CCQ2530D	6.5	4.0	5,00	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	54	2125300150	Lê Ngọc	Quỳnh	17/08/2006	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	55	2125300286	Lê Minh	Sơn	27/10/2003	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	56	2125300104	Phạm Nguyễn Thanh	Sơn	28/07/2007	CCQ2530C	7.6	4.0	5,40	
234008	57	2125300085	Phạm Quốc	Tài	07/01/2007	CCQ2530C	0.0	0.0	0,00	
234008	58	2125300127	Nguyễn Nhật	Tân	10/03/2007	CCQ2530D	8.4	5.0	6,40	
234008	59	2125300076	Phan Văn	Thắng	30/04/2007	CCQ2530C	8.9	3.0	5,40	
234008	60	2125300081	Nguyễn Thuỳ Hà	Thanh	13/02/2007	CCQ2530C	7.1	7.0	7,00	
234008	61	2125300140	Đoàn Minh	Thành	27/06/2007	CCQ2530D	8.6	10.0	9,40	
234008	62	2125300139	Nguyễn Trường	Thành	27/09/2007	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	63	2125300118	Phan Thị Phương	Thảo	21/05/2007	CCQ2530D	8.3	7.0	7,50	
234008	64	2125300134	Dương Ngọc	Thiện	22/08/2007	CCQ2530D	7.5	10.0	9,00	
234008	65	2125300149	Trần Nguyễn Hoàn	Thiện	13/07/2007	CCQ2530D	7.3	7.0	7,10	
234008	66	2125300147	Đinh Đức	Thịnh	25/08/2006	CCQ2530D	4.9	3.0	3,80	
234008	67	2125300207	Nguyễn Thủy	Tiên	11/02/2007	CCQ2530D	7.4	5.0	6,00	
234008	68	2125300141	Phạm Công	Tín	22/07/2007	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	69	2125300061	Trương Ngọc Quỳnh	Trâm	26/10/2007	CCQ2530C	7.9	4.0	5,60	
234008	70	2125300092	Rơm	Trân	03/10/2007	CCQ2530C	5.4	5.0	5,20	
234008	71	2125300135	Trần Nguyễn Tú	Trinh	05/11/2007	CCQ2530D	8.1	8.0	8,00	
234008	72	2125300146	Hồ Thị Thanh	Trúc	09/02/2007	CCQ2530D	6.5	4.0	5,00	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	73	2125300103	Lưu Phạm Thanh	Trúc	10/08/2007	CCQ2530C	6.4	5.0	5,60	
234008	74	2125300145	Nguyễn Thanh	Trúc	05/08/2006	CCQ2530D	6.8	4.0	5,10	
234008	75	2125190088	Nguyễn Thành	Trung	10/08/2007	CCQ2519B	7.8	7.0	7,30	
234008	76	2125300148	Lê Hoàng Anh	Tuấn	25/02/2007	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	77	2125300128	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Vàng	30/12/2007	CCQ2530D	0.0	0.0	0,00	
234008	78	2125300144	Cao Xuân	Việt	24/05/2007	CCQ2530D	8.0	4.0	5,60	
234008	79	2125300114	Lê Văn	Võ	18/11/2007	CCQ2530D	8.3	7.0	7,50	
234008	80	2125300117	Huỳnh Minh	Vy	18/08/2007	CCQ2530D	7.0	4.0	5,20	
234008	81	2125300072	Thái Ngọc Như	Ý	08/09/2004	CCQ2530C	6.6	4.0	5,00	
234008	82	2125300142	Nguyễn Huỳnh Phúc	Yên	08/01/2006	CCQ2530D	7.6	5.0	6,00	

TPHCM, ngày 12 tháng 01 năm 2026


Lương Anh Kiệt